

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư xây dựng  
công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH  
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;*

*Căn cứ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình Cấp nước sạch nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2012 của liên Bộ: Tài chính - Xây dựng - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;*

*Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2014 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 54/2013/TT-BTC*

ngày 04 tháng 05 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

Xét Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xem xét, thông qua Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định; Báo cáo thẩm tra số 22/BCTT-KTNS ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XII Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

### Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị;
- Sở Tư pháp, các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, ĐDBQH, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Công báo tỉnh;
- Lưu VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Tùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH BÌNH ĐỊNH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**QUY ĐỊNH**

**Một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư xây dựng  
công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm  
2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)*

**1. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư**

- Nhà đầu tư chủ động nguồn vốn (vốn tự có, vốn huy động, vốn vay) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn. Việc hỗ trợ ngân sách theo định mức hỗ trợ đối với từng hạng mục, công trình được thực hiện sau khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động cấp nước cho người dân.

- Trong cùng một thời gian, nếu dự án đầu tư được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có các mức ưu đãi, hỗ trợ khác nhau thì nhà đầu tư được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có lợi nhất.

- Trình tự và thủ tục đầu tư dự án, lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước về đầu tư theo hình thức đối tác công tư và các quy định khác có liên quan.

- Những doanh nghiệp thực hiện đầu tư công trình nước sạch nông thôn được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thì không hưởng chính sách hỗ trợ này.

**2. Hỗ trợ vốn ngân sách đầu tư xây dựng công trình**

**a) Mức hỗ trợ**

1. Đối với xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Ngân sách hỗ trợ 90% chi phí xây dựng và thiết bị, với mức hỗ trợ cụ thể:

+ Hỗ trợ 45% giá trị sau khi nghiệm thu, quyết toán hoàn thành đưa công trình vào sử dụng;

+ Hỗ trợ 45% giá trị còn lại trong thời gian 05 (năm) năm, tương ứng mỗi năm là 9,0%.

2. Đối với các xã thuộc huyện Tây Sơn và Hoài Ân, không thuộc đối tượng hỗ trợ ở điểm 1, khoản a: Ngân sách hỗ trợ 75% chi phí xây dựng và thiết bị, với mức hỗ trợ cụ thể:

+ Hỗ trợ 37,5% giá trị sau khi nghiệm thu, quyết toán hoàn thành đưa công trình vào sử dụng;

+ Hỗ trợ 37,5% giá trị còn lại trong thời gian 05 (năm) năm, tương ứng mỗi năm là 7,5%.

3. Đối với các xã còn lại không thuộc đối tượng hỗ trợ ở điểm 1 và điểm 2, khoản a: Ngân sách hỗ trợ 60% chi phí xây dựng và thiết bị, với mức hỗ trợ cụ thể:

+ Hỗ trợ 30% giá trị sau khi nghiệm thu, quyết toán hoàn thành đưa công trình vào sử dụng;

+ Hỗ trợ 30% giá trị còn lại trong thời gian 05 (năm) năm, tương ứng mỗi năm là 6,0%.

4. Đối với thị trấn: Ngân sách hỗ trợ 45% chi phí xây dựng và thiết bị, với mức hỗ trợ cụ thể:

+ Hỗ trợ 22,5% giá trị sau khi nghiệm thu, quyết toán hoàn thành đưa công trình vào sử dụng;

+ Hỗ trợ 22,5% giá trị còn lại trong thời gian 05 (năm) năm, tương ứng mỗi năm là 4,5%.

Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung phục vụ cấp nước cho người dân tại các xã, thị trấn thuộc các mức hỗ trợ khác nhau thì trạm cấp nước nằm trên địa bàn xã, thị trấn nào áp dụng mức hỗ trợ theo mức ở xã, thị trấn đó.

#### ***b) Phân cấp nguồn vốn ngân sách hỗ trợ***

Vận dụng theo Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 22/7/2016 của HĐND tỉnh Bình Định, phân cấp nguồn vốn ngân sách hỗ trợ theo chính sách này như sau:

- Đối với công trình đầu tư trên địa bàn 03 huyện miền núi An Lão, Vân Canh và Vĩnh Thạnh: Ngân sách do tỉnh quản lý hỗ trợ tối đa 90% tổng vốn ngân sách hỗ trợ, phần còn lại do ngân sách huyện cân đối hỗ trợ;

- Đối với công trình đầu tư trên địa bàn huyện Hoài Ân và Tây Sơn: Ngân sách do tỉnh quản lý hỗ trợ tối đa 75% tổng vốn ngân sách hỗ trợ, phần còn lại do ngân sách huyện cân đối hỗ trợ;

- Đối với công trình đầu tư trên địa bàn các huyện còn lại và thị xã An Nhơn: Ngân sách do tỉnh quản lý hỗ trợ tối đa 50% tổng vốn ngân sách hỗ trợ, phần còn lại do ngân sách huyện, thị xã cân đối hỗ trợ;

- Đối với công trình đầu tư trên địa bàn các xã của thành phố Quy Nhơn: Ngân sách do tỉnh quản lý hỗ trợ tối đa 30% tổng vốn ngân sách hỗ trợ, phần còn lại do ngân sách thành phố cân đối hỗ trợ.

### **3. Hỗ trợ giá nước sạch sinh hoạt nông thôn**

Nhà đầu tư được hỗ trợ giá nước sạch sinh hoạt nông thôn với mức hỗ trợ là phần chênh lệch giữa giá bán nước sạch thấp hơn phương án giá nước sạch được tính đúng tính đủ theo quy định.

Nhà đầu tư căn cứ nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch tại Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của liên Bộ Tài chính - Xây dựng - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và kế hoạch cấp nước thực tế, xây dựng phương án giá bán nước sạch gửi Sở Tài chính để chủ trì cùng Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều kiện, quy trình xét cấp hỗ trợ và thời gian hỗ trợ giá nước sạch nông thôn: Áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 8 Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 31/10/2014 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư.

### **4. Ưu đãi về đất đai, thuế và các ưu đãi, hỗ trợ khác**

Nhà đầu tư được hưởng các ưu đãi về đất đai, thuế và các ưu đãi, hỗ trợ khác theo quy định hiện hành của nhà nước.

### **5. Trích nộp khấu hao cơ bản tài sản cố định**

Phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để đầu tư công trình cấp nước sạch ở thị trấn (bao gồm dự án xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp), có khả năng tính đúng, tính đủ chi phí thì phải hoàn trả ngân sách bằng khấu hao cơ bản tài sản cố định. Việc xác định khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung. Trường hợp đặc biệt chưa thể trích khấu hao hoặc chưa thể trích đủ khấu hao theo quy định, UBND tỉnh quyết định việc giảm mức trích khấu hao đối với từng công trình cho phù hợp.

Chi phí khấu hao công trình được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, trừ trường hợp được phép để lại để đầu tư trở lại cho công trình theo quyết định của UBND tỉnh.

UBND tỉnh quyết định thời gian trích khấu hao của từng công trình theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tối thiểu không dưới 10 năm và tối đa không quá 20 năm./.

---